

Bản án số: 12/2019/DS-ST

Ngày: 07- 8- 2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Duy Năm

2. Bà Đỗ Thị Hằng

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Sĩ Vỹ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐST ngày 27 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Triệu Sơn

Địa chỉ trụ sở: 174, phố Giắt, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Văn Văn, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Bị đơn:* + Ông Hà Văn H, sinh năm 1961

+ Bà Hà Thị N, sinh năm 1962

Trú tại: Thôn Diễn Phú, xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hà Văn T, sinh năm 1989

Nơi ĐKKHKT: Xóm 8, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay đang chấp hành án tại: Trại giam Thanh Lâm, Như Xuân, Thanh Hóa.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm 8, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt: Ông V vắng mặt: Ô H, bà N, ông T, bà N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2018, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, phía nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Triệu Sơn (sau đây gọi tắt là QTDND thị trấn) do người đại diện theo pháp luật trình bày và đề nghị: Ngày 05 tháng 8 năm 2015, QTDND thị trấn ký hợp đồng tín dụng số 1275 với bên vay vốn là ông Hà Văn H và vợ là bà Hà Thị N, bên thế chấp là ông Hà Văn T và vợ là bà Hà Thị N. QTDND thị trấn cho ông H và bà N vay số tiền: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng (Từ ngày 05/8/2015 – 05/8/2016), lãi suất 1,3%/tháng, trả lãi từ ngày 22 đến hết ngày 28 hàng tháng, lãi suất phạt nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Số tiền vay được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp số 1275/HĐTC ngày 05 tháng 8 năm 2015, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng diện tích đất ở 781,2 m² thửa 284, tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính xã Hợp Tiến tại xóm 8, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 177503 do UBND huyện Triệu Sơn cấp ngày 30/7/2015. Sổ vào sổ cấp GCN: CH 002519 - Số 2118/QĐ-UBND. Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 4, tường gạch, mái gói diện tích xây dựng 100m². Chủ sử dụng, sở hữu là ông Hà Văn Tuấn và vợ là bà Hà Thị N.

Quỹ tín dụng ký kết hợp đồng tín dụng và giao đủ số tiền vay cho vợ chồng ông H, bà N. Vợ chồng ông H cho vợ chồng anh T vay lại số tiền này là thỏa thuận của họ, QTDND thị trấn sau này mới biết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay vốn trả được 15.000.000đ tiền gốc và lãi đến tháng 5/2018. Tại đơn khởi kiện QTD yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà N phải trả tiền gốc: 65.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 10/12/2018 là 5.816.000đ, tổng cộng: 70.816.000đ.

Ngày 24/4/2019, bên vay vốn đã trả được 20.000.000đ, số tiền này được trừ vào tiền lãi đến hết tháng 4/2019: 9.774.000đ, tiền phạt chậm trả lãi: 5.226.000đ, tiền gốc: 5.000.000đ. Tiền gốc còn lại là 60.000.000đ.

Hợp đồng tín dụng đã hết hạn từ ngày 06/8/2016 nhưng đến nay, ông Hoàn và bà N không trả đủ gốc và lãi. Cán bộ Quỹ tín dụng nhắc nhở nhiều lần nhưng ông H và bà N không trả là đã vi phạm Điều 2 HĐTD. Do vậy, Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Triệu Sơn đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết:

Buộc ông H và bà N phải thanh toán cho QTD số tiền gốc còn nợ: 60.000.000 đồng và lãi từ 01/5/2019 – 07/8/2019: $60.000.000 \times 1,3\% \times 99/30 = 2.574.000$ đồng. Số tiền phạt do chậm gốc bằng 150% lãi suất trong hạn tính ngày 25/5/2018 đến ngày 07/8/2019 là: $18.203.000đ - 5.266.000đ = 12.937.000đ$. Tổng cộng : 75.551.000đ.

Đề nghị Tòa án tuyên, nếu ông H và bà N không thanh toán được nợ thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 12/2/2019, bị đơn là ông Hà Văn H và bà Hà Thị N đều trình bày: Ngày 5/8/2015 vợ chồng ông ký kết với QTD thị trấn hợp đồng tín dụng

để vay 80.000.000đ, bên thế chấp là vợ chồng ông Hà Văn T và bà Hà Thị N. Vợ chồng ông vay vốn để cho vợ chồng ông T bà N (là cháu họ) vay lại số tiền này vì vợ chồng ông T không thuộc địa bàn vay vốn của QTD thị trấn.

Do điều kiện hoàn cảnh của vợ chồng ông T gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, mẹ đẻ và ông T đang chấp hành án trong trại giam nên chưa có tiền để trả. Số tiền gốc và lãi QTDND thị trấn khởi kiện 70.816.000đ là đúng. Ông đã bàn bạc với vợ chồng ông T có phương án trả nợ cho quỹ tín dụng như sau: Đợt 1 đến ngày 25/4/2019 trả 30.000.000đ, đợt 2 đến ngày 20/6/2019 trả 20.000.000đ, đợt 3 đến ngày 10/8/2019 trả 20.816.000đ. Nếu không trả được thì vợ chồng ông chịu hoàn toàn trách nhiệm với QTDND thị trấn.

Tại bản tự khai ngày 12/02/2019 của bà Hà Thị N và Bản tự khai ngày 05/4/2019 của ông Hà Văn T đều thống nhất trình bày: Ngày 5/8/2015, vợ chồng ông nhờ hai bác là Hà Văn H và Hà Thị N (bác họ) vay tiền của QTDND thị trấn số tiền là 80.000.000đ. Vợ chồng ông đã nhận số tiền này từ ông H và bà N để kinh doanh nhưng làm ăn thua lỗ và ông bị bắt vào trại giam nên chưa hoàn trả được số tiền cho Quỹ tín dụng. Vợ chồng ông đã trả được 15.000.000đ tiền gốc. Nay Quỹ tín dụng yêu cầu vợ chồng ông và vợ chồng ông H trả tiền gốc 65.000.000đ và lãi là đúng. Vợ chồng ông đề nghị được trả làm 3 đợt: Đợt 1 đến ngày 25/4/2019 trả 30.000.000đ, đợt 2 đến ngày 20/6/2019 trả 20.000.000đ, đợt 3 đến ngày 10/8/2019 trả 15.000.000đ và lãi suất. Nếu trong thời gian đó vợ chồng ông không trả được nợ thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/4/2019, ông T trình bày: Hiện tại ông đang cải tạo tại Trại tạm giam Thanh Lâm nên ông không thể có mặt tại phiên tòa, phiên hòa giải. Ông đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia tố tụng tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý thức chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 342,343,351,355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Hoàn bà Nương phải trả trả QTD thị trấn số tiền gốc 60.000.000 đồng và lãi: 2.574.000 đồng, lãi phạt do chậm gốc: 12.977.000đ, tổng cộng: 75.551.000đ. Nếu ông H và bà N không thanh toán được nợ thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí buộc ông H, bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho quỹ tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng vay tài sản. QTDND thị trấn khởi

kiện đối với ông Hoàn, bà Nương có hộ khẩu thường trú tại thôn Diễn Phú, xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ Điều 26, 35,39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng bên vay vốn và thế chấp đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất, ông Hoàn, bà Nương và bà Nhung vắng mặt, HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay các đương tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Hợp đồng tín dụng ký kết giữa QTDND thị trấn với vợ chồng ông Hoàn, bà Nương ngày 05/8/2015, thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực pháp luật. Do đó HĐXX căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[2] Xét hợp đồng tín dụng: Ngày 05/8/2015, QTDND thị trấn ký hợp đồng tín dụng số 1275 với bên vay vốn là ông Hà Văn Hoàn và vợ là bà Hà Thị Nương, bên thế chấp là ông Hà Văn Tuấn và vợ là bà Hà Thị Nhung. QTDND thị trấn cho ông Hoàn và bà Nương vay số tiền: 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), thời hạn vay 12 tháng (Từ ngày 05/8/2015 – 05/8/2016), lãi suất 1,3%/tháng, trả lãi từ ngày 22 đến hết ngày 28 hàng tháng, lãi suất phạt nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng tín dụng được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay vốn trả được 15.000.000đ tiền gốc và lãi đến tháng 5/2018. Tại đơn khởi kiện QTDND thị trấn yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàn và bà Nương phải trả tiền gốc: 65.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 10/12/2018 là 5.816.000đ, tổng cộng: 70.816.000đ.

Ngày 24/4/2019, bên vay vốn đã trả được 20.000.000đ, số tiền này được trừ vào tiền lãi đến hết tháng 4/2019: 9.774.000đ, tiền phạt chậm trả lãi: 5.226.000đ, tiền gốc: 5.000.000đ. Tiền gốc còn lại là 60.000.000đ.

Quỹ tín dụng ký kết hợp đồng tín dụng và giao đủ số tiền vay 80.000.000đ cho vợ chồng ông Hoàn, bà Nương. Vợ chồng ông Hoàn cho vợ chồng anh Tuấn vay lại số tiền này là thỏa thuận riêng của vợ chồng ông Hoàn với vợ chồng ông Tuấn. Do đó, QTDND thị trấn khởi kiện vợ chồng ông Hoàn, bà Nương phải trả số nợ còn lại là có cơ sở.

QTDND thị trấn yêu cầu vợ chồng ông Hoàn phải trả tiền gốc quá hạn: 60.000.000 đồng và lãi (01/5/2019 – 07/8/2019): $60.000.000 \times 1,3\% \times 99/30 = 2.574.000$ đồng. Số tiền do chậm trả gốc theo Điều 2 HĐTD, lãi suất phạt nợ gốc quá hạn = 150% lãi trong hạn tính ngày 25/5/2018 đến ngày 07/8/2019 là: $18.203.000đ - 5.266.000đ = 12.937.000đ$. Tổng số tiền phải trả tính đến ngày: $75.551.000đ$ là phù hợp với hợp đồng hai bên đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Xét Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp số 1275/HĐTC ngày 05 tháng 8 năm 2015, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng diện tích đất ở 781,2 m² thửa 284, tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính xã Hợp Tiến tại xóm 8, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 177503 do UBND huyện Triệu Sơn cấp ngày 30/7/2015. Sổ vào sổ cấp GCN: CH 002519 - Số 2118/QĐ-UBND. Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 4, tường gạch, mái gói diện tích xây dựng 100m². Chủ sử dụng, sở hữu là ông Hà Văn Tuấn và vợ là bà Hà Thị Nhung. Hợp đồng thế chấp được ký kết trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của Điều 342,343,351,355 BLDS. Do đó, tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp bên vay vốn không thanh toán được nợ thì QTDND thị trấn Triệu Sơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Về án phí: Yêu cầu của QTDND thị trấn Triệu Sơn được chấp nhận nên hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Vợ chồng ông Hoàn và bà Nương phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho QTDND thị trấn Triệu Sơn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, 35,39, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 BLTTDS; Điều 342,343,351,355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Triệu Sơn: Buộc ông Hà Văn Hoàn và bà Hà Thị Nương phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Triệu Sơn số tiền nợ gốc: 60.000.000 đồng, tiền lãi: 2.574.000 đồng, lãi phạt quá hạn: 12.977.000đ, tổng cộng: 75.551.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu ông Hoàn và bà Nương không trả tiền hoặc trả không đủ số tiền thuộc nghĩa vụ của mình thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng hai bên đã ký kết tương ứng thời gian chậm trả.

2. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 1275/HĐTC ngày 05 tháng 8 năm 2015, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng diện tích đất ở 781,2 m² thửa 284, tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính xã Hợp Tiến tại xóm 8, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 177503 do UBND huyện Triệu Sơn cấp ngày 30/7/2015, sổ vào sổ cấp GCN: CH 002519 - Số 2118/QĐ-UBND và tài sản gắn liền với đất, chủ sử dụng, sở hữu tài sản là ông Hà Văn Tuấn và bà Hà Thị Nhung để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí: Ông Hà Văn Hoàn và bà Hà Thị Nương phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 3.777.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Triệu Sơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.770.000đ theo biên lai số AA/2017/ 0005321 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu